

Trả lời phỏng vấn Truyền hình Nhân dân (thuộc báo Nhân dân: <https://nhandantv.vn/>) vào 10h00 ngày 24/10/2024 (Thứ Năm) tại Phòng 312 nhà E3, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

1. Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế-xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - "phương thức sản xuất số", TBT đã khẳng định điều đó trong bài viết mới đây của mình ("Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới" ngày 02/09/2024). Điều này có thể hiểu một cách đơn giản, cốt lõi như thế nào, thưa PGS?
 - Tôi xin điểm lại một số điểm quan trọng trong bài viết của đồng chí Tổng Bí thư là *"Đó là cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất. Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - "phương thức sản xuất số", trong đó đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số."*. Bài viết của Tổng Bí thư cũng chỉ ra bốn nhóm hành động quan trọng: (i) hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật, kiên định mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời không ngừng đổi mới để bắt kịp xu thế phát triển của thời đại; (ii) khơi thông và phát huy tối đa mọi nguồn lực xã hội, đẩy nhanh hiện đại hóa; (iii) cải cách, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; (iv) đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn là tất yếu khách quan để Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới.
 - Tầm nhìn về chuyển đổi số trong bài viết của đồng chí Tổng Bí thư đặt "chuyển đổi số" không chỉ và không phải là "ứng dụng công nghệ số" mà được gắn kết với "phương thức sản xuất số" là đảm bảo được tính khoa học và tính hiện đại khi khái niệm chuyển đổi số đã bao trùm được tập năm phương diện của chuyển đổi số là chiến lược, quản lý nhân tài, cấu trúc tổ chức, phân quyền và công nghệ như đã được cộng đồng các nhà quản lý và nghiên cứu hàng đầu trên thế giới công nhận rộng rãi. Tôi cũng muốn đề cập tới một định nghĩa về chuyển đổi số trong một bài báo khá nổi tiếng của G.

Vial [G. Vial, 2019]¹ là “*quá trình nhằm mục đích cải thiện một thực thể bằng cách tạo ra những thay đổi đáng kể đối với các thuộc tính của nó thông qua sự kết hợp các công nghệ: thông tin, máy tính, truyền thông và kết nối*”. Như vậy, theo tầm nhìn trong bài viết của Tổng Bí thư, thực thể chuyển đổi số là nền kinh tế Việt Nam với một thuộc tính là phương thức sản xuất XHCN được cải thiện đáng kể theo hướng “*phương thức sản xuất số*”. Điều đó có nghĩa là tầm nhìn đưa “*chuyển đổi số*” tới “*phương thức sản xuất mới*” đã khái quát được khái niệm chuyển đổi số ở mức quốc gia.

2. Ông có thể cho biết chuyển đổi số có vai trò và tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay?

- Như đã đề cập trên đây, theo cách hiểu khá phổ biến hiện nay trên thế giới, chuyển đổi số bao gồm chiến lược, quản lý nhân tài, cấu trúc tổ chức, phân quyền và công nghệ. Có thể coi đây là năm thuộc tính được cải thiện đáng kể qua chuyển đổi số mà theo định nghĩa của G.Vila [G.Vila, 2019] thì quá trình chuyển đổi số là quá trình tạo ra sự cải thiện đáng kể về chiến lược, quản lý nhân tài, cấu trúc tổ chức, phân quyền và công nghệ. Liên hệ với sự phát triển của đất nước chúng ta hiện nay, tiến hành chuyển đổi số là một quá trình tạo ra sự cải thiện đáng kể chiến lược, quản lý nhân tài, cấu trúc tổ chức, phân quyền và công nghệ trên toàn bộ nền kinh tế.
- Việc xác định một tầm nhìn đưa “*chuyển đổi số*” tới “*phương thức sản xuất mới*” trong bài viết của Tổng Bí thư đã nhấn mạnh chuyển đổi số đóng vai trò động lực mạnh mẽ cho việc phát triển một phương thức sản xuất số, có nghĩa là chuyển đổi số tác động toàn diện và sâu sắc đồng thời tới cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Tầm nhìn như vậy đã làm nổi bật và nâng tầm vai trò quan trọng đặc biệt của chuyển đổi số đối với sự phát triển của đất nước.
- Trong khuôn khổ cuộc phỏng vấn này, tôi chưa thể đề cập một cách toàn diện về tầm quan trọng của chuyển đổi số tới cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất vì điều đó đòi hỏi rất nhiều nghiên cứu phân tích công phu. Vì vậy, tôi chỉ tập trung về tầm quan trọng của chuyển đổi số qua một nhận định trong bài viết của Tổng Bí thư là “*đặc trưng của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo*”. Tôi nhận diện được ba ý nghĩa quan trọng từ nhận định này:
 - ❖ Thứ nhất, nhận định này phản ánh định hướng mục tiêu “*TTNT vì con người, TTNT cùng con người*” bao gói được các chủ đề thời sự toàn cầu có tầm quan trọng đặc biệt hiện nay trên thế giới là “*Đạo đức Trí tuệ nhân*

¹ Gregory Vial. *Understanding digital transformation: A review and a research agenda*. Journal of Strategic Information Systems, 28, pp.118-144, 2019 (vào tháng 10/2024, đã có khoảng 6800 tham chiếu Google Scholar).

tạo” như Khuyến nghị về đạo đức TTNT của UNESCO năm 2021 [UNESCO, 2021]² đã được toàn thể 193 quốc gia thành viên thông qua vào ngày 23/11/2021 tại Kỳ họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 41 từ ngày 09/11/2021 tới ngày 24/11/2021 tại Paris (Pháp). Được UNESCO coi như là một thành phần trong “Đạo đức Trí tuệ nhân tạo”, “*Trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm*” đã và đang thu hút sự quan tâm đặc biệt của các cộng đồng nghiên cứu – triển khai trên thế giới thuộc rất nhiều lĩnh vực;

- ❖ Thứ hai, tôi muốn đề cập tới đóng góp kinh tế to lớn của Trí tuệ nhân tạo. Theo A. S. Rao và G. Verweij [A. S. Rao và G. Verweij, 2017], TTNT tạo ra các cơ hội lớn theo bốn khu vực chính cho các doanh nghiệp là Năng suất lao động, Cá nhân hóa, Tiết kiệm thời gian, Chất lượng cao và đóng góp vào kinh tế toàn cầu được dự báo lên tới 15.700 tỷ đô la Mỹ vào năm 2030³. Theo một nghiên cứu gần đây hơn của Tập đoàn tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey&Company [McKinsey, 2023]⁴, trong 15 khuynh hướng công nghệ nổi bật năm 2023, TTNT có mức đổi mới (kết hợp bằng sáng chế và công bố khoa học) cao nhất và được phổ biến rộng rãi nhất (tỷ lệ doanh nghiệp trực tiếp áp dụng TTNT đã tăng từ 20% vào năm 2017 lên trên 50% vào năm 2022), đóng góp giá trị kinh tế của TTNT được ước tính là từ 17.000 tới 26.000 tỷ đô la Mỹ, trong đó, TTNT tạo sinh (Generative AI) được kỳ vọng đóng góp từ 2.600 tới 4.400 tỷ đô la Mỹ vào nền kinh tế trên thế giới;
- ❖ Thứ ba, khu vực đóng góp quan trọng nhất của TTNT về kinh tế là tăng năng suất lao động. Một phần tư thế kỷ vừa qua, Việt Nam ở “làn nhanh” (“fast lane”) tăng năng suất lao động [J. Mischke và cộng sự, 2024]⁵, đã rút ngắn được hơn tám năm trong một lộ trình mười lăm năm trở thành nền kinh tế hạng 25 thế giới về Tổng sản phẩm quốc nội theo sức mua ngang giá (GDP PPP) [PWC, 2017a]⁶, [World Bank, 2024]⁷. Đây là thời điểm tăng cường đầu tư, đón đầu làn sóng năng suất tiếp theo, do đó, TTNT (nói riêng) và chuyển đổi số (nói chung) có tầm quan trọng đặc

² UNESCO. *Recommendation on the Ethics of Artificial Intelligence - Adopted on 23 November 2021*. UNESCO 2022.

³ Anand S. Rao, Gerard Verweij. *Sizing the prize: What's the real value of AI for your business and how can you capitalise*. PwC report, 2017.

⁴ McKinsey Technology Council. *Technology Trends Outlook 2023*. McKinsey & Company, July 2023.

⁵ Jan Mischke, Chris Bradley, Marc Canal, Olivia White, Sven Smit, Denitsa Georgieva. *Investing in productivity growth*. McKinsey Global Institute, March 27, 2024.

⁶ PwC. *The Long View How will the global economic order change by 2050?* <https://www.pwc.com/gx/en/world-2050/assets/pwc-the-world-in-2050-full-report-feb-2017.pdf>.

⁷ World Bank. GDP, PPP (current international \$). https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.PP.CD?most_recent_value_desc=true&locations=CN. Truy cập tháng 10/2024.

biệt, tạo ra các cơ hội to lớn để nước ta tăng tốc hội tụ tới mức năng suất của nền kinh tế tiên tiến trên thế giới [J. Mischke và cộng sự, 2024].

3. Thừa chuyên gia, trong bài viết mới đây của TBT về chuyển đổi số, ông có thể phân tích thêm những góc nhìn mới, quan điểm mới về chuyển đổi số ở nước ta đã được TBT đề cập đến?

Trên cơ sở tầm nhìn gắn kết chuyển đổi số với phương thức sản xuất số, phát triển nội dung “*kiên định mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” trong bài viết của Tổng Bí thư, chúng ta nên xác định một tầm nhìn trung hạn là “Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số” và một tầm nhìn dài hạn là “Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam Thế kỷ 21” theo các lập luận như sau:

- Cụm từ “phương thức sản xuất XHCN Việt Nam” trong cả tầm nhìn trung hạn và dài hạn trên đây thể hiện được sự nhất quán đường lối tiến hành công cuộc phát triển XHCN ở Việt Nam, cũng như đảm bảo được tinh thần “*kiên định mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” như được ghi nhận trong bài viết của đồng chí Tổng Bí thư. Điều này phù hợp với xu thế đa cực của thế giới của thế giới ngày nay và đường lối kiên định của Đảng và Nhà nước ta từ khi thành lập tới nay;
- Từ “Việt Nam” xác định đặc trưng của Việt Nam chúng ta trong công cuộc xây dựng phương thức sản xuất XHCN Việt Nam, cho phép tiến hành các nghiên cứu công phu từ môi trường bên trong để nhận diện được Điểm mạnh/Điểm yếu đặc thù của Việt Nam tới môi trường bên ngoài để nhận diện chính xác được Cơ hội/Thách thức liên quan trực tiếp tới Việt Nam. Từ đó chúng ta phát huy điểm mạnh, khắc phục/hạn chế điểm yếu, khai thác hiệu quả cơ hội và giảm thiểu/tránh né thách thức;
- Tầm nhìn trung hạn cho phép gắn kết được tính thời sự của số hóa - ứng dụng số - chuyển đổi số và trưởng thành số hiện nay, khai thác được cơ hội từ công nghệ dữ liệu và công nghệ TTNT hiện nay.
- Tầm nhìn dài hạn đảm bảo tính lâu dài và bền vững của tầm nhìn do không còn bị gắn với “công nghệ số”, “chuyển đổi số” bởi vì công nghệ thay đổi nhanh, hiện nay là “công nghệ số” song hai mươi, ba mươi năm nữa, thậm chí năm mươi năm nữa thì công nghệ có thể thay đổi chuyển sang một loại hình công nghệ khác;
- “Phát triển”: trên một nền tảng vốn có của phương thức sản xuất XHCN Việt Nam.
- Vai trò của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam theo hai phương diện: (i) Vai trò của người lãnh đạo

dẫn dắt công cuộc phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam; (ii) Vai trò của thực thể xã hội đặc biệt cung cấp dịch vụ công, phục vụ công cuộc phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam

- Trong vai trò của người lãnh đạo dẫn dắt đất nước:
 - ❖ Xây dựng một luận thuyết về “*Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số*” để hình thành từng bước luận thuyết “*Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam Thế kỷ 21*”. Luận thuyết cần gắn kết mối quan hệ biện chứng kinh tế số - kinh tế tri thức - kinh tế thị trường XHCN Việt Nam theo tinh thần kinh tế số là động lực cho kinh tế tri thức, kinh tế tri thức tạo động lực năng suất lao động cao cho kinh tế thị trường XHCN Việt Nam. Tinh thần của quy luật “lượng – chất” cần được nhấn mạnh trong luận thuyết. Luận thuyết cũng cần cung cấp những điểm cốt lõi nhất về thể chế và hệ thống pháp luật cho phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam. Tuyên truyền phổ biến toàn diện và sâu rộng tinh thần và nội dung luận thuyết tới mọi cá nhân, tổ chức và toàn xã hội để hiểu và vận dụng; chú trọng phổ biến trong giáo dục phổ thông để chuẩn bị kiến thức nền tảng nhất cho lực lượng lao động tương lai của đất nước. Tinh thần của câu châm ngôn “*Chúng ta không thể giải quyết các vấn đề của mình bằng cùng một cách suy nghĩ mà chúng ta đã từng tạo ra chúng*” (thường được cho là của Albert Einstein) cần được quan tâm khi xây dựng luận thuyết nói trên; tôi coi rằng việc đưa “chuyển đổi số” tới “phương thức sản xuất mới” là một khởi đầu cho một tư duy mới.
 - ❖ Xây dựng đội ngũ các nhà nghiên cứu hàng đầu với tư duy mới phù hợp về “*Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam*” như đội ngũ nòng cốt xây dựng và phổ biến luận thuyết trên đây.
 - ❖ Tổ chức phát triển lực lượng lao động chất lượng cao và tài năng về công nghệ số, ứng dụng số, chuyển đổi số làm nòng cốt cho lực lượng sản xuất trong phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số; chú trọng giáo dục đại học-sau và trên đại học trong phát triển lực lượng lao động chất lượng cao và tài năng về thiết kế, phát triển, triển khai, sử dụng và giám sát ứng dụng số. Như đã được đề cập [J. Mischke và cộng sự, 2024], hai yếu tố đầu vào quyết định năng suất lao động là: lượng vốn trên mỗi lao động, mức tăng này còn được gọi là *tăng cường vốn* (capital deepening) và *vốn con người* (human capital) đề cập tới trình độ học vấn, khả năng và kinh nghiệm tích lũy của người lao động. Tăng cường đầu tư cho giáo dục đại học để tăng tốc nguồn nhân lực chất lượng cao và tài năng về công nghệ số - ứng dụng số - chuyển đổi số là một giải pháp có tính cốt lõi để phát triển *vốn con người* cho tăng năng suất lao động của

đất nước ta. Thế mạnh về giáo dục Việt Nam đã được ghi nhận: học sinh phổ thông đạt mức xấp xỉ trung bình của các nước OECD theo đánh giá quốc tế PISA⁸, sinh viên đại học được tham dự các vòng chung kết toàn cầu về lập trình sinh viên, trong đó Trường ĐHCN, ĐHCN thuộc топ 3 dẫn đầu tại khu vực Đông Nam Á⁹. Giáo dục đại học cần được ưu tiên đầu tư và huy động tốt vào phát triển lực lượng lao động chất lượng cao và tài năng về công nghệ số, ứng dụng số, chuyển đổi số. Hai dẫn chứng trên thế giới cho thấy sự cần thiết của tăng cường đầu tư cho giáo dục đại học để tăng tốc nguồn nhân lực chất lượng cao và tài năng. Tại Trung Quốc, nhu cầu về lao động có kỹ năng về CNTT dự kiến sẽ tăng gấp sáu lần vào năm 2030 (từ một triệu người lên sáu triệu người) trong khi các trường đại học trong nước và nước ngoài cùng đội ngũ nhân tài hàng đầu hiện tại của Trung Quốc ước tính chỉ cung cấp được khoảng hai triệu (hoặc một phần ba) nhân tài CNTT cần thiết vào năm 2030, dẫn đến tình trạng thiếu hụt bốn triệu nhân tài cho các vai trò CNTT¹⁰. Tám nền kinh tế thuộc loại hàng đầu thế giới đang diễn ra hai xu hướng trái ngược nhau: thị trường lao động bị thắt chặt do khó khăn kinh tế và nhu cầu mở rộng lực lượng lao động để tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nhu cầu tài năng công nghệ số¹¹.

- ❖ Tổ chức việc hướng dẫn về trường thành số và lộ trình nâng cao độ trưởng thành số đối với mọi doanh nghiệp (công và tư) và mọi tổ chức khác trong xã hội. Giới thiệu các mô hình đánh giá trường thành số phù hợp với Việt Nam.
- Trong vai trò của một thực thể xã hội đặc biệt cung cấp dịch vụ công:
 - ❖ Thực hiện vai trò gương mẫu triển khai quá trình chuyển đổi số trong các tổ chức công để từng bước nâng cao độ trưởng thành số

⁸ OECD. *Viet Nam: Student performance (PISA 2022)*. <https://gpseducation.oecd.org/CountryProfile?primaryCountry=VNM&treshold=10&topic=PI>

⁹ <https://cphof.org/contest/icpc>: National University of Singapore (18 lần được tham dự vòng chung kết toàn cầu, Huy chương bạc năm 2024), University of Engineering and Technology - VNU, Viet Nam (12 lần, Huy chương đồng năm 2021), Nanyang Technological University, Singapore (12 lần), Bina Nusantara University, Indonesia (7 lần), Universitas Indonesia (6 lần), Hanoi University of Science and Technology (4 lần), Chulalongkorn University, Thailand (4 lần), Ateneo de Manila University, Philippines (4 lần).

¹⁰ Wouter Maes and Alex Sawaya. *How businesses can close China's AI talent gap*. McKinsey Article, May 5, 2023.

¹¹ Anu Madgavkar, Olivia White, Sven Smit, Chris Bradley, Ryan Luby, and Michael Neary. *Help wanted: Charting the challenge of tight labor markets in advanced economies*. McKinsey Global Institute Article, June 26, 2024.

- ❖ Khi nói về chuyển đổi số trong khu vực công cần đề cập tới mức phát triển tiếp theo của Chính phủ điện tử là Chính phủ số sử dụng công nghệ số như là một phần tích hợp của các chiến lược hiện đại hóa của chính phủ để tạo ra giá trị công (sáu đặc trưng: Khu vực công hướng dữ liệu, Hướng người dùng, Chính phủ là một nền tảng, Số hóa theo thiết kế, Mở theo mặc định và Chủ động [OECD, 2019]¹²) Từng bước hình thành Chính phủ số và Chính quyền số Việt Nam trên cơ sở phát triển đội ngũ công chức chất lượng cao và tài năng về triển khai, sử dụng và giám sát ứng dụng số trong các tổ chức công.

❖ v.v.

4. Thực tế hiện nay, đa phần doanh nghiệp, người dân đang có nhận thức như thế nào về chuyển đổi số?

- Để nắm bắt được nhận thức của đa phần doanh nghiệp và người dân về chuyển đổi số thì cần tiến hành một cuộc nghiên cứu khảo sát đủ công phu, có thể sẽ rất kkkhó khăn và tốn kém. Dù chưa có điều kiện tiến hành một cuộc nghiên cứu khảo sát như vậy, nhưng theo dõi những bài viết trên các trang báo điện tử chính thống của nước ta, tôi nhận diện được một số điểm thực trạng sau đây về nhận thức của một bộ phận doanh nghiệp, người dân (bao gồm một số nhà quản lý có trách nhiệm).
- Có sự nhầm lẫn khái niệm đáng lo ngại liên quan tới số hóa - ứng dụng số - chuyển đổi số. Một hiện tượng khá phổ biến hiện nay là coi bất kỳ một ứng dụng số, thậm chí bất kỳ một hoạt động tin học hóa một nghiệp vụ cụ thể, là “chuyển đổi số”, ví dụ như, sở giáo dục A triển khai phần mềm quản lý học tập học sinh phổ thông vào hoạt động, cơ quan B ứng dụng thực tiễn phần mềm nhận diện khuôn mặt, v.v. đều được gán nhãn là “chuyển đổi số”. Cần phân biệt rõ ràng về ba khái niệm số hóa - ứng dụng số - chuyển đổi số đối với doanh nghiệp như sau: Số hóa về cơ bản là lấy thông tin tương tự và mã hóa thành 0/1 để máy tính có thể lưu trữ, xử lý và truyền; Ứng dụng số đề cập tới dự án ứng dụng số (có thể nhiều, ít); chuyển đổi số đề cập tới chiến lược toàn doanh nghiệp (từ số hóa thông tin, số hóa quy trình và số hóa vai trò tiến tới số hóa doanh nghiệp và chiến lược). Số hóa và ứng dụng số tập trung vào công nghệ, chuyển đổi số tập trung tới khách hàng, đáp ứng tốt hơn sự thay đổi tổng thể, là năng lực cốt lõi của doanh nghiệp, mang tính chủ quan của doanh nghiệp.

¹² OECD. *The Path to Becoming a Data-Driven Public Sector*. OECD Digital Government Studies, OECD Publishing, Paris, 2019.

- Quá coi trọng vai trò của công nghệ trong chuyển đổi số, thậm chí coi quá trình chuyển đổi số là quá trình ứng dụng công nghệ số. Điều này trái ngược hoàn toàn với thực tế là chuyển đổi số bao gồm không chỉ công nghệ mà còn các thành phần quan trọng không kém (nếu không nói là còn quan trọng hơn) là chiến lược, quản lý nhân tài, cấu trúc tổ chức và lãnh đạo (phân quyền). Cần tiếp thu nhiều khuyến nghị cho thực tiễn chuyển đổi số đã được đưa ra, chẳng hạn như “Một trong những điều chúng ta học được là công nghệ tuyệt vời thôi là chưa đủ. Điều bạn thực sự cần là cập nhật quy trình kinh doanh, đào tạo lại lực lượng lao động và đôi khi thậm chí thay đổi mô hình kinh doanh và tổ chức của mình theo cách lớn lao.” [Erik Brynjolfsson và Lareina Yee. 2024¹³], “các vấn đề về tổ chức, kỹ thuật, đạo đức và quy định cần được giải quyết trước khi doanh nghiệp có thể nhận ra được toàn bộ tiềm năng của TTNT” [McKinsey, 2023].
- Trái với các nhận thức chưa chính xác trên đây, đã xuất hiện một số nghiên cứu có tính khoa học về chuyển đổi số và trưởng thành số ở Việt Nam, chẳng hạn, bài báo của Phạm Mai Chi và Phạm Thị Thanh Hồng [Phạm M.C. và Phạm T. T. H., 2023]¹⁴ đề nghị một mô hình trưởng thành số theo năm chiều là Chiến lược, Công nghệ, Tổ chức và văn hóa, Khách hàng, Quy trình và mô hình này được cho hoạt động phù hợp với nhiều lĩnh vực và ngành nghề trong điều kiện của Việt Nam. Tuy nhiên, nội dung về chuyển đổi số trong các nghiên cứu như vậy chưa lan tỏa để truyền cảm hứng được tới đa phần doanh nghiệp, người dân.

5. Nếu hiểu chuyển đổi số theo tư duy này (đưa “chuyển đổi số” tới “phương thức sản xuất mới”), thì công cuộc chuyển đổi số sẽ có những sự khác biệt như thế nào so với trước đây?

- Theo nhận thức của tôi thì “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” [CTCĐSQG, 2020]¹⁵ là văn bản pháp quy nổi bật nhất cho biết tư duy chuyển đổi số của Chính phủ ta. Theo Chương trình, chuyển đổi số một tổ chức là “sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số”. Chương trình nêu các quan điểm về Chuyển đổi số: Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số; Người dân là trung tâm của chuyển đổi số; Thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số; Phát triển nền tảng

¹³ Erik Brynjolfsson and Lareina Yee. *Technology alone is never enough for true productivity*. McKinsey Podcast, 13-09-2024

¹⁴ Phạm Mai Chi and Phạm Thị Thanh Hồng. *Digital Maturity: Theory and Models Applied to Businesses in Vietnam*. APMRC 2022, pp. 519–528, 2023.

¹⁵ “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được ban hành theo Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ

số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả; Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số; Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số. Kết hợp hài hòa giữa tập trung và phân tán khi triển khai, có một cơ quan điều phối chung. Cụ thể hơn, Chương trình cũng đề cập tới các nhiệm vụ cho chuyển đổi số là Chuyển đổi nhận thức, Kiến tạo thể chế, Phát triển hạ tầng số, Phát triển nền tảng số, Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số. Có thể nhận thấy là, thuật ngữ “Chuyển đổi số” được đề cập trong Chương trình đã phản ánh được những điểm cơ bản của các định nghĩa về “Chuyển đổi số” phổ biến trên thế giới song chưa có một phát biểu chính thức rõ ràng về chuyển đổi số. Đồng thời, các nội dung của Chuyển đổi số chưa được phát biểu một cách hệ thống và còn thiếu logic, nhiều bộ phận nội dung lại quá chi tiết, tản mạn thiếu tập trung.

- Tư duy đưa “chuyển đổi số” tới “phương thức sản xuất số” (cụ thể hơn là “Phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số”) cung cấp các nội dung ở mức khái quát song tư duy của tầm nhìn như vậy đảm bảo tính khoa học không chỉ về tính hệ thống khi gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với công cuộc phát triển đất nước một cách tổng thể mà còn về tính dễ hiểu với các khái niệm khá thông dụng và đã được hiểu khá thấu đáo ở nước ta vì đã được giới thiệu tại các trường phổ thông và đại học như “phương thức sản xuất”, “lực lượng sản xuất”, “quan hệ sản xuất”, “tư liệu sản xuất”, “tài nguyên”, v.v.
 - Như vậy, công cuộc chuyển đổi số theo tư duy mới cần được tiếp cận theo quan hệ biện chứng của chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế tri thức, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số, đồng thời, tôn trọng quy luật lượng – chất trong phát triển đất nước. Theo quan niệm của tôi, một luận thuyết về “*Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số*” sẽ đóng vai trò kim chỉ nam cho công cuộc chuyển đổi số của chúng ta.
6. Ông đánh giá như thế nào về quá trình thực hiện công cuộc chuyển đổi số trong giai đoạn vừa rồi, nhìn tổng thể chúng ta đã làm được những gì và còn có những vấn đề gì đặt ra?
- Nghị quyết Số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” đã đưa ra đánh giá “*Quá trình chuyển đổi số quốc gia còn*

chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp".

- Một số đánh giá về trưởng thành số Việt Nam qua một số tài liệu khảo sát trên thế giới sau đây cho thấy các nhận định từ Nghị quyết Số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về các hạn chế chuyển đổi số ở Việt Nam vẫn chưa được cải thiện đáng kể:
 - Báo cáo khảo sát đánh giá độ trưởng thành số các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại 14 quốc gia Châu Á – Thái bình dương (Australia, China, Hong Kong, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, Taiwan, Thailand, Vietnam) do Tập đoàn IDC phối hợp với Tập đoàn Cisco thực hiện vào năm 2020 [IDC và Cisco, 2021]¹⁶ cho kết quả là Việt Nam đạt hạng 14/14 cùng nhóm “Thờ ơ số” (Digital Indifferent) với Indonesia (hạng 13/14) và Philippines (12/14). So với xu hướng trung bình của các quốc gia trong khảo sát, Việt Nam quá coi trọng nâng cấp phần cứng thay vì cần nâng cấp phần mềm trong đầu tư công nghệ, thiếu tư duy và không biết bắt đầu từ đâu khi xác định thách thức số, doanh số bán hàng và tiếp thị được coi trọng hơn nhiều so với việc mang tới trải nghiệm khách hàng tốt hơn hoặc được cải thiện.
 - P. Mukherji và cộng sự [P.Mukherji và cộng sự, 2022]¹⁷ giới thiệu một khung đánh giá trưởng thành số của UNDP theo sáu cột trụ là Công nghệ và Giải pháp, Chính sách và Quy định, Kỹ năng và Xây dựng năng lực, Lấy người dùng làm trung tâm, Định nghĩa và Cung cấp dịch vụ, Khung thể chế và Hợp tác với năm mức là Sơ sinh, Mới nổi, Tích hợp, Chuyển đổi, Sáng tạo. Việt Nam có ba cột trụ (Công nghệ và Giải pháp, Chính sách và Quy định, Lấy người dùng làm trung tâm) ở mức 3 (Tích hợp) và ba cột trụ còn lại ở mức 2 (Mới nổi) tương đương với Rwanda, thua Thái Lan một mức ở cả sáu cột trụ.
 - Cơ quan năng suất châu Á (Asian Productivity Organization) [APO, 2024]¹⁸ nhận định Việt Nam có lợi thế môi trường chính trị ổn định và vị thế chiến lược trong hệ thống thương mại toàn cầu, sẵn sàng nắm bắt các cơ hội do những xu hướng mới nổi mang lại, đã vạch ra lộ trình tăng trưởng kinh tế và phát triển con người ẩn tượng, chứng minh sự

¹⁶ IDC and Cisco. 2020 Asia Pacific SMB Digital Maturity Study. 2021

¹⁷ Pradeep Mukherji, Rajarshi Chatterjee, Amarabati Sen, Harsh Kapoor, Aditi Sambhar. *Digital Maturity Assessment_Lao PDR - Supporting Digital Government Transformation*. UNDP, 2022.

¹⁸ Asian Productivity Organization. *Digital transformation in Asian economies - Enhancing Productivity, Socioeconomic Impacts, and Policy Insights*. 2024.

sẵn sàng và tự tin để đón nhận Chuyển đổi số. Tuy nhiên, Việt Nam gặp nhiều thách thức là dân số đang già đi với tốc độ đáng báo động, trình độ hiểu biết về số thấp, dễ bị tổn thương của môi trường tự nhiên và ngành nông nghiệp trước biến đổi khí hậu.

7. Bàn về vấn đề xây dựng thể chế, hành lang pháp lý cho nền kinh tế số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hiện nay đâu là những điểm nghẽn trong thể chế cần được khơi thông trong xây dựng nền kinh tế số thưa PGS?

- Theo quan niệm của tôi, xây dựng thể chế, hành lang pháp lý cho nền kinh tế số cần đặt trong một phạm trù rộng hơn là “quản trị xã hội chủ nghĩa” trong phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số. Chúng ta nên bắt đầu từ việc xem xét lịch sử từ luận thuyết của Ăngghen về quản trị XHCN, kinh nghiệm (những bài học thành công và thất bại) từ quản trị XHCN của hệ thống Liên Xô – Đông Âu cho tới khi sụp đổ, kinh nghiệm từ Trung Quốc hiện nay (đặc biệt là quản trị XHCN trong thời đại số) và đặc biệt là kinh nghiệm quản trị XHCN của nước ta. Cuốn sách của Roland Boer vào năm 2023 về quản trị XHCN [R. Boer, 2023]¹⁹ là một tài liệu tham khảo tốt về kinh nghiệm quản trị XHCN trên thế giới. Cần tiến hành các nghiên cứu công phu về kinh nghiệm quản trị XHCN của nước ta cũng như quản trị XHCN trong thời đại số. Kết quả nghiên cứu công phu như vậy cho phép xác định được những yếu tố cốt lõi cho việc xác định nội dung của quản trị XHCN Việt Nam trong thời đại số.
- Quản trị XHCN (nói chung) và xây dựng thể chế, hành lang pháp lý cho nền kinh tế số XHCN (nói riêng) là rất phức tạp do mối quan hệ biện chứng giữa công nghệ và chính trị. K.Schwab và N. Davis [K.Schwab và N. Davis, 2018]²⁰ nhận định: (1). Tất cả các công nghệ đều là chính trị, chúng là hiện thân của những ham muốn và thỏa hiệp xã hội được thể hiện trong suốt quá trình phát triển và thực hiện; (2) Các công nghệ và xã hội định hình lẫn nhau theo cách phản xạ, chúng ta là sản phẩm của các công nghệ của chúng ta cũng giống như chúng ta là những sản phẩm do chúng ta tạo ra. Chính vì lý do đó, nhận diện được cơ hội và thách thức theo dài hạn từ một loại hình công nghệ số là rất khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh sự thay đổi công nghệ khá nhanh trong thời đại số.
- Hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật cho sự Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số.

¹⁹ Roland Boer. *Socialism in Power: On the History and Theory of Socialist Governance*. Springer Nature, 2023.

²⁰ Klaus Schwab, Nicholas Davis. *Shaping the Fourth Industrial Revolution*. World Economic Forum, 2018

- Một ý kiến cụ thể là chúng ta nên xem xét hiệu chỉnh “Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong doanh nghiệp” trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 theo hướng có nội dung tương tự như “Điều 58. Tổ chức Đảng trong nhà trường” và “Điều 59. Đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường” của Luật Giáo dục vì việc hiệu chỉnh như vậy, một mặt, hoàn toàn phù hợp với “Điều 4.” trong Hiến pháp năm 2013 của nước ta, mặt khác, tạo động lực để các doanh nghiệp tham gia tích cực hơn vào công cuộc phát triển phương thức sản xuất XHCN trong thời đại số [R. Boer, 2023].

8. Hiện nay nhiều ý kiến cho rằng, cần có một “Nghị quyết 10”²¹ về chuyển đổi số, chuyên gia đánh giá như thế nào về vấn đề này? Điểm đột phá nào cần được xây dựng trong Nghị quyết mới về chuyển đổi số để tạo nên bước chuyển mới trong việc thực hiện công cuộc chuyển đổi số, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, thừa PGS?

- Trước hết, chúng ta cần khảo sát bối cảnh ra đời và nội dung Nghị quyết 10-NQ/TW năm 1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp:
 - ❖ “Nghị quyết 10” ra đời trong bối cảnh quá trình gần chín năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá IV về tình hình và nhiệm vụ cấp bách (được ban hành vào ngày 20/09/1979). Trong khoảng thời gian đó, nhiều chủ trương chính sách đã được thực hiện, đặc biệt là chủ trương “khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp”, đã tạo nên động lực thúc đẩy nông nghiệp phát triển và đã đạt được nhiều kết quả rất đáng khích lệ, tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong nhiều năm (đặc biệt là vào vài ba năm trước khi ban hành “Nghị quyết 10”) thì tình trạng trì trệ có xu hướng bộc lộ ngày càng rõ rệt: nông nghiệp phát triển chậm, một số mặt sản xuất (nhất là lương thực) giảm sút, v.v. Như vậy có thể nói bối cảnh ra đời của “Nghị quyết 10” là sau một thời gian gần một thập niên.
 - ❖ “Nghị quyết 10” gồm ba phần: Phần I- Tình hình tổ chức sản xuất và quản lý nông nghiệp hiện nay; Phần II- Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp; Củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; Một số vấn đề quản lý nhà nước trong nông nghiệp; Một số vấn đề về xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa; Tăng cường tổ chức cơ

²¹ Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp được ban hành vào ngày 05/04/1988.

sở Đảng và vai trò của các đoàn thể quần chúng và Phần III- Tổ chức thực hiện)²².

- ❖ “Nghị quyết 10” đã chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên đây là do lãnh đạo và chỉ đạo đã có tám khuyết điểm chính: (1) Chưa có một chiến lược đúng; (2) Nhận thức giản đơn về CNXH (bao gồm quy luật quan hệ sản xuất - lực lượng sản xuất) và về đặc thù các vùng miền nước ta; (3) Chưa có chủ trương đồng bộ để củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất XHCN; (4) Có nhiều sai lầm trong các chính sách lớn đối với nông nghiệp; (5) Hệ thống cung ứng vật tư chậm sửa đổi tổ chức và phương thức hoạt động, có nhiều tiêu cực; (6) Hệ thống tổ chức quản lý từ trung ương xuống cơ sở có nhiều bất hợp lý, ngày càng chồng chéo, quan liêu, kém hiệu lực; (7) Công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao kiến thức văn hoá, khoa học kỹ thuật cho nông dân và vận động thực hiện nếp sống mới ở nông thôn chưa tốt; (8) Tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn và trong các đơn vị kinh tế nông nghiệp ở nhiều nơi còn yếu. Nhận diện được tám khuyết điểm chính trong lãnh đạo và chỉ đạo cần những nghiên cứu rất công phu, nắm bắt đầy đủ và toàn diện về hoạt động lãnh đạo và chỉ đạo trong một khoảng thời gian đủ dài.
- Trên thế giới, khái niệm “chuyển đổi số” được xuất hiện một cách chính thức được khoảng gần 15 năm, định nghĩa về chuyển đổi số vừa rất đa dạng vừa chứa các yếu tố mơ hồ [G.Vila, 2019]. Thực tiễn triển khai chuyển đổi số tại doanh nghiệp gặp nhiều chướng ngại [J. Bughin và cộng sự, 2018]²³, [A. Babbar và cộng sự, 2023]²⁴ dẫn đến kết quả chuyển đổi số không thành công [NewEverest, 2028]²⁵. Như vậy, xây dựng một chiến lược phát triển chuyển đổi số của một quốc gia đòi hỏi những nghiên cứu rất công phu.
- Chuyển đổi số mới được đề cập ở nước ta trong một vài năm gần đây, thực tiễn triển khai chuyển đổi số vẫn còn ở giai đoạn rất sơ khai như đã được đề cập. Như vậy, bối cảnh hiện nay về chuyển đổi số ở nước ta là hoàn toàn khác biệt so với bối cảnh ra đời của Nghị quyết 10-NQ/TW, do đó, việc đề cập tới một ““Nghị quyết 10” về chuyển đổi số” là không phù hợp.
- Chúng ta nên đề cập tới việc xây dựng một nghị quyết hoàn toàn mới về “Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số” theo

²² Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết 10-NQ/TW năm 1988 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Thứ hai, 08/06/2020 17:11.

²³ Jacques Bughin, Tanguy Catlin, Martin Hirt, Paul Willmott. *Why digital strategies fail*. McKinsey Quarterly, January 25, 2018.

²⁴ Akhil Babbar, Raghavan Janardhanan, Remy Paternoster, and Henning Soller. *Why most digital banking transformations fail—and how to flip the odds*. McKinsey Tech: Forward, April 11, 2023.

²⁵ New Everest Group. *78% of Enterprises Fail to Scale and Sustain Their Digital Transformation Initiatives*. Market Insider, August 6, 2018.

một tư duy mới, phù hợp với bối cảnh thời đại số, xu thế phát triển chính trị-kinh tế trên thế giới và đặc thù Việt Nam hiện nay. Một nội dung cần được đề cập trong nghị quyết này là xây dựng một luận thuyết về “Phát triển phương thức sản xuất XHCN Việt Nam trong thời đại số”.

/